

Số: 657/QĐ-SYT

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 (lần 3)

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND, ngày 13/06/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2667/QĐ-SYT ngày 22/12/2021 về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2021 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 548/QĐ-SYT ngày 18/02/2022 của Sở Y tế về việc điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2022; Quyết định số 605/QĐ-SYT ngày 09/3/2022 của Sở Y tế về việc điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 lần 3 (Phụ lục đính kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website SYT;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Phan Huy Anh Vũ

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
Chương: 423

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 657/QĐ-SYT ngày 24/3/2022 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị:	<i>Văn phòng Sở Y tế</i>	<i>Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm</i>	<i>Chi cục Dân số KHHGD</i>	<i>Bệnh viện đa khoa Đồng Nai</i>	<i>Bệnh viện đa khoa Thống Nhất</i>	<i>Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai</i>
Mã số:	1012512	1075022	1062436	1073798	1012513	1073743
Mã KBNN nơi giao dịch:	1761	1761	1761	1761	1761	1761
	DVT: Triệu đồng	DVT: Triệu	DVT: Triệu	DVT: Triệu	DVT: Triệu đồng	DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-42.418,5	12,0	12,0	6.030,00	5.239,50	3.102,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	-	-42.418,5	12,0	12,0	6.030,00	5.239,50	3.102,0
130 - 131	KP chi các chế độ phụ cấp khác dự kiến ban hành (cho hoạt động PCD COVID-19)	-	-42.418,5	12,0	12,0	6.030,0	5.239,5	3.102,0
	+ Kinh phí hỗ trợ động viên lực lượng nhân viên y tế tham gia phòng, chống dịch COVID-19	-	-42.418,5	12,0	12,0	6.030,0	5.239,5	3.102,0
	++ Chi cho CBCCVC	-	-41.146,5	12,0	12,0	6.030,0	5.239,5	3.102,0
	++ Chi cho tình nguyện viên khối ngành sức khỏe	-	-978,0	-	-	-	-	-
	++ Chi cho Phòng Y tế huyện, thành phố	-	-294,0	-	-	-	-	-
130 - 139	<i>Kinh phí sửa chữa các đơn vị</i>	-	(4.411,48)	-	-	-	-	-
131 - 139	+ KP sửa chữa TTYT huyện Trảng Bom (Tạm giao theo dõi do chưa có Báo cáo kinh tế kỹ thuật)	-4.411,5	-4411,476					

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423

Đơn vị: <i>Bệnh viện Phổi</i>	<i>Bệnh viện Da Liễu</i>	<i>Bệnh viện ĐKKV Long Khánh</i>	<i>Bệnh viện ĐKKV Long Thành</i>	<i>Bệnh viện ĐKKV Định Quán</i>	<i>Bệnh viện Y dược cổ truyền</i>	<i>Trung tâm Kiểm soát bệnh tật</i>
Mã số: <i>1073803</i>	<i>1073802</i>	<i>1073799</i>	<i>1073794</i>	<i>1079060</i>	<i>1079061</i>	<i>1128359</i>
Mã KBNN nơi giao dịch: <i>1761</i>	<i>1761</i>	<i>1766</i>	<i>1767</i>	<i>1768</i>	<i>1761</i>	<i>1761</i>

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	645,00	397,50	3.307,50	1.374,0	1.441,50	216,0	1.554,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	<i>645,00</i>	<i>397,50</i>	<i>3.307,50</i>	<i>1.374,0</i>	<i>1.441,50</i>	<i>216,0</i>	<i>1.554,0</i>
130 - 131	KP chi các chế độ phụ cấp khác dự kiến ban hành (cho hoạt động PCD COVID-19)	645,0	397,5	3.307,5	1.374,0	1.441,5	216,0	1.554,0
	+ Kinh phí hỗ trợ động viên lực lượng nhân viên y tế tham gia phòng, chống dịch COVID-19	645,0	397,5	3.307,5	1.374,0	1.441,5	216,0	1.554,0
	++ <i>Chi cho CBCCVC</i>	<i>645,0</i>	<i>397,5</i>	<i>3.307,5</i>	<i>1.374,0</i>	<i>1.441,5</i>	<i>216,0</i>	<i>1.554,0</i>
	++ <i>Chi cho tình nguyện viên khối ngành sức khỏe</i>	-	-	-	-	-	-	-
	++ <i>Chi cho Phòng Y tế huyện, thành phố</i>							
130 - 139	<i>Kinh phí sửa chữa các đơn vị</i>	-	4.411,48	-	-	-	-	-
131 - 139	+ KP sửa chữa TTYT huyện Trảng Bom (Tạm giao theo dõi do chưa có Báo cáo kinh tế kỹ thuật)							
131 - 139	+ KP mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ cho Khu khám và thẩm mỹ của Bệnh viện Da liễu		4.411,48					

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423

Đơn vị:	<i>Trung tâm Kiểm nghiệm</i>	<i>Trung tâm Giám định Y khoa</i>	<i>Trung tâm Pháp Y</i>	<i>TTYT TP. Biên Hòa</i>	<i>TTYT huyện Long Thành</i>	<i>TTYT TP. Long Khánh</i>	<i>TTYT huyện Định Quán</i>
Mã số:	1021522	1025640	1028428	1065904	1073738	1077451	1065903
Mã KBNN nơi giao dịch:	1761	1761	1761	1761	1767	1766	1768

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	27,0	22,5	40,5	2.836,5	1.011,0	928,50	1.236,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	27,0	22,5	40,5	2.836,5	1.011,0	928,50	1.236,0
130 - 131	KP chi các chế độ phụ cấp khác dự kiến ban hành (cho hoạt động PCD COVID-19)	27,0	22,5	40,5	2.836,5	1.011,0	928,5	1.236,0
	+ Kinh phí hỗ trợ động viên lực lượng nhân viên y tế tham gia phòng, chống dịch COVID-19	27,0	22,5	40,5	2.836,5	1.011,0	928,5	1.236,0
	++ Chi cho CBCCVC	27,0	22,5	40,5	2.265,0	970,5	898,5	1.209,0
	++ Chi cho tình nguyện viên khối ngành sức khỏe	-	-		540,0	6,0	-	-
	++ Chi cho Phòng Y tế huyện, thành phố				31,5	34,5	30,0	27,0
130 - 139	<i>Kinh phí sửa chữa các đơn vị</i>	-	-	-	-	-	-	-
131 - 139	+ KP sửa chữa TTYT huyện Trảng Bom (Tạm giao theo dõi do chưa có Báo cáo kinh tế kỹ thuật)							
131 - 139	+ KP mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ cho Khu khám và thẩm mỹ của Bệnh viện Da liễu							



SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423

Đơn vị: *TTYT huyện Trảng Bom* *TTYT huyện Thống Nhất* *TTYT huyện Tân Phú* *TTYT huyện Xuân Lộc* *TTYT huyện Vĩnh Cửu* *TTYT huyện Nhơn Trạch* *TTYT huyện Cẩm Mỹ*

Mã số: *1021518* *1046430* *1073805* *1025637* *1027521* *1046172* *1021514*
Mã KBNN nơi giao dịch: *1764* *1771* *1763* *1765* *1762* *1769* *1772*

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	TỔNG DỰ TOÁN GIAO
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.026,5	1.597,5	1.783,5	2.352,0	1.842,0	1.705,5	1.678,5
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	<i>2.026,5</i>	<i>1.597,5</i>	<i>1.783,5</i>	<i>2.352,0</i>	<i>1.842,0</i>	<i>1.705,5</i>	<i>1.678,5</i>
130 - 131	KP chi các chế độ phụ cấp khác dự kiến ban hành (cho hoạt động PCD COVID-19)	2.026,5	1.597,5	1.783,5	2.352,0	1.842,0	1.705,5	1.678,5
	+ Kinh phí hỗ trợ động viên lực lượng nhân viên y tế tham gia phòng, chống dịch COVID-19	2.026,5	1.597,5	1.783,5	2.352,0	1.842,0	1.705,5	1.678,5
	++ <i>Chi cho CBCCVC</i>	<i>1.947,0</i>	<i>1.561,5</i>	<i>1.765,5</i>	<i>2.221,5</i>	<i>1.795,5</i>	<i>1.539,0</i>	<i>1.552,5</i>
	++ <i>Chi cho tình nguyện viên khối ngành sức khỏe</i>	<i>57,0</i>	<i>15,0</i>	<i>-</i>	<i>108,0</i>	<i>6,0</i>	<i>138,0</i>	<i>108,0</i>
	++ <i>Chi cho Phòng Y tế huyện, thành phố</i>	<i>22,5</i>	<i>21,0</i>	<i>18,0</i>	<i>22,5</i>	<i>40,5</i>	<i>28,5</i>	<i>18,0</i>
130 - 139	<i>Kinh phí sửa chữa các đơn vị</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
131 - 139	+ KP sửa chữa TTYT huyện Trảng Bom (Tạm giao theo dõi do chưa có Báo cáo kinh tế kỹ thuật)							
131 - 139	+ KP mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ cho Khu khám và thẩm mỹ của Bệnh viện Da liễu							